

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-PT

Ngày 22 tháng 3 năm 2019

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiệp Hòa

*Các Thẩm phán:* Bà Đoàn Thị Thanh Thúy

Ông Đặng Văn Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nàng Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Minh Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2019/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 90/2018/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Khánh H**, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1989; Địa chỉ: kp01, phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Do có kháng cáo của anh Trần Văn N.

Tại phiên tòa có mặt: chị H, anh N.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Nguyên đơn chị Đỗ Thị Khánh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, có tổ chức lễ cưới và sinh sống tại nhà cha mẹ chồng ở khu phố 1, phường P.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu bình thường, đến khoảng tháng 1 năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn về tính tình, cách sống, cách cư xử, về tiền bạc nên anh N thường gây gổ, bạo hành, xúc phạm chị và gia đình chị nhiều lần. Vì vậy chị đã xin phép gia đình chồng về nhà cha mẹ ruột ở một thời gian. Sau đó vì thương con và muốn vun vén hạnh phúc gia đình, bỏ qua cho anh N chị về ở lại nhưng anh N vẫn không thay đổi, vẫn gây áp lực với chị, không cho chị cho con về nhà ngoại, gây khó khăn cho chị về mọi thứ, rồi đánh, xúc phạm chị. Khi mâu thuẫn giữa chị và anh N xảy ra thì có khu phố trưởng xuống hòa giải. Đến ngày 22/6/2018 chị và con Trần Tuệ L đã dọn về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay, anh N không cho chị mang con Hải A đi cùng. Chị thường xuyên đến thăm con nhưng thời gian đầu anh N ngăn cản nên chị đã làm đơn yêu cầu UBND phường P can thiệp và mời anh N đến làm việc nhưng anh không đến. Chị và anh N đã sống ly thân từ ngày 22/6/2018 đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau, hai người chỉ liên hệ với nhau về con cái. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có hai con là Trần Hải A, sinh ngày 11/11/2015 và Trần Tuệ L, sinh ngày 06/11/2017. Từ khi hai người ly thân, chị trực tiếp nuôi cháu Tuệ L, còn cháu Hải A ở với chị phần nhiều, thi thoảng có ở với anh N. Khoảng một tháng trở lại đây cháu Hải A về ở hẳn với chị và chị là người đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Hai con của chị còn rất nhỏ (dưới 03 tuổi) nên rất cần sự yêu thương, trông nom, chăm sóc của chị. Nếu giao con cho anh N nuôi thì chị không an tâm vì anh N làm kinh doanh thường xuyên đi công tác xa nhà nên không có thời gian chăm sóc con, mặt khác anh thường xuyên đi nhậu, bỏ bê con. Nay chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Chị có nghề nghiệp, có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con, nhưng để đảm bảo cuộc sống của các con được tốt hơn, chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp với thu nhập thực tế của anh N.

Về tài sản chung: Chị và anh N sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Trần Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị Khánh H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND phường P, thành phố Phan Thiết. Anh chị có tổ chức lễ cưới và sống tại nhà cha mẹ anh ở khu phố 1, phường P. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến thời gian gần đây anh

và chị H bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và những lý do vô cớ khác, nên hai vợ chồng có xảy ra cãi vã nhau vài lần. Những lần vợ chồng xảy ra cãi nhau, thì có một lần khu phố trưởng xuống nhà hòa giải. Anh và chị H chỉ cãi nhau, anh xác định anh không có hành vi bạo lực đối với chị H. Vợ chồng xảy ra cãi nhau vào khoảng cuối tháng 6 năm 2018, gia đình chị H xuống đón chị H và con Tuệ L về nhà cha mẹ sống cho đến nay. Trong khoảng thời gian hai vợ chồng sống ly thân, anh có gọi điện hỏi thăm chị H và con. Nay anh xác định còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh và chị H có hai con là Trần Hải A, sinh ngày 11/11/2015 và Trần Tuệ L, sinh ngày 06/11/2017. Hiện nay đối với con Hải A thì có lúc chị H đưa đi học, đón về nhà chị H, có lúc anh đưa đi học, đón về nhà anh, hai vợ chồng thay nhau chăm sóc đưa đón con đi học. Nếu Tòa án buộc ly hôn anh yêu cầu được nuôi con Hải A, giao con Tuệ L cho chị H nuôi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh làm bộ phận kinh doanh của Công ty Hải A, một ngày làm việc khoảng 6 đến 7 tiếng nên có điều kiện và thời gian để trực tiếp chăm sóc con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do vụ án không tiến hành hòa giải được vì anh N không đến hòa giải và chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã đưa vụ án ra xét xử tại bản án số 90/2018/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018, quyết định:

1/Áp dụng: Khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2, khoản 3 Điều 81, khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Khánh H, chị H được ly hôn anh Trần Văn N.

Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Khánh H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con là Trần Hải A (giới tính nam), sinh ngày 11/11/2015 và Trần Tuệ L (giới tính nữ), sinh ngày 06/11/2017. Buộc anh Trần Văn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con hàng tháng 1.000.000 đồng (một triệu) cho chị H, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, chị H và anh N vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

Về án phí: Anh Trần Văn N phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị Đỗ Thị Khánh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 04/7/2018 chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0020854 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu nay được chuyển sang án phí. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ của bên thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/11/2019, bị đơn anh Trần Văn N kháng cáo yêu cầu đoàn tụ vì mâu thuẫn vợ chồng không lớn và anh vẫn còn yêu thương chị Đỗ Thị Khánh H. Trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hải A sinh ngày 11/11/2015.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Anh N vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu đoàn tụ vì mâu thuẫn vợ chồng không lớn và anh vẫn còn yêu thương chị H. Trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hải A vì anh đủ điều kiện nuôi con, không phải đi công tác xa như chị H trình bày. Nếu phải cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Chị H không chấp nhận kháng cáo của anh N. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng do anh N xúc phạm, bạo hành nên chị yêu cầu ly hôn. Hiện 02 con chung còn nhỏ, việc chị nuôi 02 con vẫn đảm bảo để con phát triển tốt nhất nên chị yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về mức cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định; Người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật tố tụng; Đề nghị không chấp nhận kháng cáo về quan hệ hôn nhân của anh N, sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo về nuôi con của anh N: giao cháu Trần Hải A cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Tuệ L sinh ngày 06/11/2017 cho chị Hoà nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của đương sự và đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị H và anh N tự nguyện yêu thương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tại Giấy chứng nhận kết hôn số 116 ngày 15/7/2015, không vi phạm quy định về điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[2] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm chị H và anh N đều có lời khai thống nhất quá trình chung sống vợ chồng đã có những mâu thuẫn do tính tình không hợp, không thống nhất về quan điểm sống và nghề nghiệp; 02 bên gia đình và khu phố đã tác động hòa giải nhưng quan hệ không được cải thiện; Từ tháng 6/2018 đến nay anh chị đã sống ly thân, ngoại trừ việc quan tâm đến con cái, hai bên không còn quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Căn cứ lời khai của 2 đương sự phù hợp với tài liệu có tại hồ sơ thể hiện cuộc sống hôn nhân của chị H, anh N đã có mâu thuẫn, đã được gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành và thực tế cuộc sống vợ chồng đã không còn duy trì từ tháng 6/2018 đến nay cho thấy mục đích của kết hôn để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm cho chị H ly hôn anh N là phù hợp pháp luật.

[3] Anh N xác định vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng chưa nghiêm trọng, anh vẫn còn yêu thương chị H nên mong muốn đoàn tụ để con cái không bị tổn thương. Tuy nhiên, chị H vẫn cương quyết ly hôn và không đồng ý trở về chung sống; anh N cũng không có giải pháp cụ thể nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng chỉ thực sự hạnh phúc khi được xây dựng trên cơ sở tình cảm từ 02 phía. Với thực tế cuộc sống vợ chồng của chị H, anh N như nêu trên thì việc anh N yêu cầu đoàn tụ là không thực hiện được nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận.

[4] Chị H, anh N có 02 con chung là cháu Trần Hải A (giới tính nam), sinh ngày 11/11/2015 và Trần Tuệ L (giới tính nữ), sinh ngày 06/11/2017. Suốt quá trình tham gia tổ tụng, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi hết 02 con, còn anh N chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Hải A, do cháu Tuệ L chưa đủ 36 tháng tuổi. Xét thấy, chị H có nghề nghiệp, thu nhập ổn định hiện đang sinh sống cùng cha mẹ nên đảm bảo về chỗ ở cho các con và không thuộc trường hợp bị pháp luật cấm nuôi con; Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, cả 02 con đều dưới 36 tháng tuổi nên tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị H trực tiếp nuôi cả 2 con.

[5] Theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, vợ chồng đều có quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Đến nay cháu Trần Hải A đã trên 36 tháng tuổi và không thuộc trường hợp pháp luật quy định phải giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N cũng có đủ điều kiện để nuôi con như có công việc thu nhập ổn định với mức lương 15 triệu đồng/tháng; tính chất công việc đảm bảo thời gian để chăm sóc con, có nơi ở đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho con, anh N cũng không thuộc trường hợp bị pháp luật cấm nuôi con. Tại hồ sơ không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện anh N vi phạm đạo đức đến mức không đủ tư cách nuôi con. Trong thời gian ly thân khi không còn chung sống một nhà, anh chị đã thỏa thuận cả hai thay nhau trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Hải A và thực tế hàng tuần cháu Trần Hải A vừa ở với cha, vừa ở với mẹ suốt từ tháng 6/2018 đến nay. Việc anh N cùng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Hải A trong thời gian ly thân cũng thể hiện anh N có khả năng chăm sóc con tốt, có tình thương và trách

nhiệm đối với con. Mặt khác, hiện tại 02 con của anh chị còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc tốt nhất về mọi mặt của cha mẹ, việc giao hết cả 2 con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo sự phát triển tốt nhất về mọi mặt, so với việc giao cho mỗi người nuôi một con. Với nhận định trên, vì quyền lợi của con chung và để đảm bảo quyền nuôi con của người cha, anh N kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hải A là có căn cứ nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận như đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

[6] Do mỗi bên anh chị trực tiếp nuôi dưỡng một con, thu nhập của cả hai đều khá cao (mỗi người đều trên 15 triệu/tháng) nên cả hai đủ điều kiện về tài chính để nuôi con. Vì thế không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Do tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân và sửa bản án về quan hệ nuôi con nên chị H phải chịu án phí sơ thẩm, anh N không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn N; Sửa bản án sơ thẩm số 90/2018/HNGD-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết.

2. Áp dụng: Khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2, khoản 3 Điều 81, khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Luật thi hành án dân sự.

3. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Khánh H, chị Đỗ Thị Khánh H được ly hôn anh Trần Văn N.

Về con chung:

Giao cho chị Đỗ Thị Khánh H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Tuệ L (giới tính nữ), sinh ngày 06/11/2017.

Giao cho anh Trần Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hải A (giới tính nam), sinh ngày 11/11/2015. Buộc chị Đỗ Thị Khánh H giao cháu Trần Hải A

cho anh Trần Văn N.

Chị Đỗ Thị Khánh H, anh Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

**4. Về án phí:**

Chị Đỗ Thị Khánh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 04/7/2018 chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0020854 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu nay được chuyển sang án phí. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Văn N số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0023764 ngày 17/10/2017 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND, THADS huyện;-Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Hiệp Hòa**